

Bản án số: **06/2026/HS-ST.**

Ngày: 12 - 01 - 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Toan và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tư và bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở cơ sở 1 Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2025/TLST-HS, ngày 16 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐXXST-HS, ngày 30/12/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Thị L (tên gọi khác: Bùi Mai L1), sinh ngày 01/6/1970 tại tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ).

Nơi cư trú và nơi ở: Thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ1, sinh hoạt đảng tại Chi bộ thôn C thuộc Đảng bộ xã N, tỉnh Tuyên Quang (Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 03/QĐ-UBKT ngày 06/01/2026 của Ủy ban kiểm tra đảng ủy xã N, tỉnh Tuyên Quang); con ông Bùi Văn B (đã chết) và con bà Nguyễn Thị D (đã chết); có chồng Nguyễn Minh P và có 02 con.

* Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: Vũ Thị H (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 17/10/1978 tại tỉnh Ninh Bình.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Q, thành phố Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố A L, phường Y, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; con ông Vũ

Văn C và bà Tạ Thị G; có chồng: Dương Văn A (đã ly hôn); con: Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

* Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị L (*tên gọi khác: Bùi Mai L1*), trú tại thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang là Giám đốc Công ty TNHH D1 (Công ty D1), kinh doanh nhiều ngành, nghề trong đó có M trang phục (*trừ trang phục từ da lông thú*), đăng ký kê khai nộp thuế tại Chi cục Thuế cơ sở A1 tỉnh Tuyên Quang.

Tháng 4/2022, Công ty V được nhiều đơn hàng may gia công quần áo. Do không đủ máy móc, nhân công và phải đẩy nhanh tiến độ thực hiện hợp đồng, L1 thuê Vũ Thị H, tạm trú tại tổ dân phố A L, phường Y, tỉnh Ninh Bình gia công một phần đơn hàng cho L1: Hai bên nhất trí thoả thuận sau khi gia công xong phần đơn hàng H phải xuất hoá đơn cho L1. Sau khi thoả thuận với L1, H thuê thêm xưởng may của một người phụ nữ tên T1 ở khu vực Chợ T3 thuộc xã H, thành phố Hà Nội để cùng tham gia gia công may quần áo cho L1 (*H không biết tuổi, địa chỉ cụ thể của T1*), việc H thuê T1 gia công may mặc đơn hàng mà H nhận làm cho L1, L1 không biết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng với H, L1 đã thanh toán tiền cho H bằng hình thức chuyển khoản và gửi tiền mặt kèm theo nguyên phụ liệu gia công (*vải, chun, chỉ, khoá, cúc...*) qua xe khách cho H, sau đó H thanh toán cho T1 bằng tiền mặt gửi kèm nguyên phụ liệu gia công.

Tháng 6/2022, H hoàn thành việc gia công hàng cho L1. L1 yêu cầu H xuất hoá đơn tương ứng với khối lượng và trị giá hợp đồng gia công mà L1 đã thanh toán cho H. Khi thực hiện yêu cầu của L1, do H không có Công ty (*Không lập công ty*) do đó không có hoá đơn để xuất cho L1 nên H đã đề nghị T1 xuất hoá đơn cho H, T1 đã trao đổi lại với H là T1 có thể lấy được hoá đơn của một công ty khác cho H nhưng H phải trả cho T1 số tiền tương ứng là 8% giá trị hoá đơn trước thuế, T1 chụp ảnh Giấy đăng ký doanh nghiệp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 (Công ty TNHH T4, mã số thuế 0314472853, địa chỉ: Tầng H, số A N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh) gửi cho H qua Zalo. Sau đó H nói rõ cho L1 biết việc H không có công ty, nên không có hoá đơn để xuất cho L1 theo yêu cầu, nếu L1 đồng ý, H sẽ mua hoá đơn của Công ty TNHH T4 cho L1 với mức chi phí là 8% tương ứng với số tiền thuế VAT L1 phải chi trả. L1 biết rõ Công ty TNHH T4 không phải là đơn vị trực tiếp gia công hàng hoá cho Công ty mình, nhưng để hợp thức hoá chi phí, cũng như số tiền hợp đồng gia công đã trả cho H nên L1 đồng ý mua và sử dụng hoá đơn;

Sau khi thống nhất thoả thuận với L1: H liên hệ và bảo Thu mua 21 hoá đơn có tổng giá trị hàng hoá là **359.738.214** đồng (*trong đó tiền trước thuế là 333.090.938 đồng, tiền thuế 8% là 26.647.276 đồng*), cụ thể:

STT	Số hóa đơn	Ngày phát hành	Giá trị trước thuế (VNĐ)	Tiền thuế (VNĐ)	Giá trị sau thuế (VNĐ)
1	742	02/6/2022	18.290.000	1.463.200	19.753.200
2	754	03/6/2022	16.225.000	1.298.000	17.523.000
3	760	04/6/2022	17.405.000	1.392.400	18.797.400
4	775	07/6/2022	16.815.000	1.345.200	18.160.200
5	796	10/6/2022	14.986.000	1.198.880	16.184.880
6	802	11/6/2022	9.784.650	782.772	10.567.422
7	808	13/6/2022	11.700.000	936.000	12.636.000
8	823	15/6/2022	17.937.000	1.434.960	19.371.960
9	830	16/6/2022	18.295.740	1.463.659	19.759.399
10	838	17/6/2022	17.817.420	1.425.394	19.242.814
11	844	18/6/2022	18.415.320	1.473.226	19.888.546
12	853	20/6/2022	17.769.588	1.421.567	19.191.155
13	859	21/6/2022	13.225.548	1.058.044	14.283.592
14	866	22/6/2022	14.457.222	1.156.578	15.613.800
15	873	23/6/2022	18.414.000	1.473.120	19.887.120
16	879	24/6/2022	18.204.750	1.456.380	19.661.130
17	882	25/6/2022	14.647.500	1.171.800	15.819.300
18	895	27/6/2022	8.872.200	709.776	9.581.976
19	902	28/6/2022	17.550.000	1.404.000	18.954.000
20	907	29/6/2022	15.860.000	1.268.800	17.128.800
21	917	30/6/2022	16.419.000	1.313.520	17.732.520
Tổng			333.090.938	26.647.276	359.738.214

Toàn bộ số hoá đơn trên Thu mua và chuyển cho H; H nhận được và đã chuyển qua Zalo cho L1. Sau khi nhận được 21 hoá đơn nêu trên, L1 đã thanh toán cho H số tiền 26.647.276 đồng (*thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản*), cụ thể ngày 22/6/2024, chuyển khoản 10.000.000 đồng từ tài khoản số 42080612828 của L1 mở tại Ngân hàng TMCP Đ2 (B1) đến tài khoản số 4270040691 của H mở tại Ngân hàng B1. Sau khi nhận tiền của L1, H đã thanh toán cho T1 bằng tiền mặt, gửi theo xe khách đến khu vực chợ T3, xã H, thành phố Hà Nội.

Đối với 21 số hoá đơn trên: L1 đã chuyển cho Vũ Thị P1, trú tại thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên để thực hiện kê khai thuế cho Công ty V1 kỳ kê khai Quý

2/2022 (P1 có quan hệ họ hàng với L1, được L1 nhờ làm báo cáo quyết toán cho Công ty, P1 không biết số hoá đơn trên do L1 mua).

Ngày 21/03/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ khởi tố vụ án hình sự về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" và tội "Trốn thuế" xảy ra tại TP Đà Nẵng và các tỉnh, thành trên cả nước đối với các bị can: Nguyễn Thị Mỹ H1; Đinh Thị Quỳnh H2; Nguyễn Khắc Đ và Lê Minh C1, trú tại căn hộ A Khu R, C T, phường B, thành phố Hồ Chí Minh, Công ty này đã thành lập ra 268 doanh nghiệp "ma" để xuất bán trái phép hóa đơn GTGT cho nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh, thành trên cả nước. Trong đó, Công ty TNHH T4 (do Lê Minh C1 thành lập) đã xuất bán cho Công ty TNHH D1, địa chỉ tại: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang 21 hóa đơn GTGT như trên. Ngày 06/5/2025, Cơ quan CSĐT Công an T ra Quyết định tách hành vi, tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 3397/QĐ-CSKT đối với hành vi sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) không hợp pháp của Công ty TNHH D1 và chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 27/8/2025, L1 đã kê khai bổ sung, loại bỏ toàn bộ 21 hoá đơn GTGT mua trái phép nêu trên và nộp lại toàn bộ số tiền thuế là 26.645.413 đồng vào ngân sách nhà nước.

Kết luận giám định số 32/KL-TQU-GĐTTP, ngày 13/11/2025 của Tổ Giám định số 1115/QĐ-TQU, Thuế tỉnh Tuyên Quang kết luận:

“4.1 Kết luận về hành vi vi phạm:

Việc Công ty TNHH D1 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (21 số hóa đơn không) để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các kỳ tính thuế quý 2/2022, làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

4.2 Kết luận thiệt hại về thuế GTGT

Đối với Thuế GTGT: Công ty TNHH D1 đã thực hiện kê khai bổ sung, điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của 21 số hóa đơn nêu trên tại tờ kê khai thuế GTGT bổ sung lần 2 kỳ tính thuế quý 2/2022 (khai bổ sung điều chỉnh giảm ngày 27/8/2025), việc kê khai bổ sung làm tăng số thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ (chỉ tiêu 40) tổng số tiền 26.645.413 đồng, đồng thời ngày 27/8/2025 Công ty TNHH D1 đã nộp đủ số tiền 26.645.413 đồng vào Ngân sách Nhà nước. Do đó không có thiệt hại về thuế GTGT.”

Tại bản Cáo trạng số 58/CT-VKSKV1 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Bùi Thị L (Bùi Mai L1) và Vũ Thị H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị L (Bùi Mai L1) và Vũ Thị H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 203; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Bùi Thị L (Bùi Mai L1) từ 70.000.000đ đến 90.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Vũ Thị H từ 70.000.000đ đến 90.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nhận thức được hành vi mua bán trái phép hóa đơn là vi phạm pháp luật, các bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục thừa nhận hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố. Ngoài lời khai nhận tội, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các hóa đơn đã thu giữ; kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Tháng 6/2022, Bùi Thị L (tên gọi khác: Bùi Mai L1), trú tại thôn C, xã N, tỉnh Tuyên Quang là Giám đốc Công ty TNHH D1 và Vũ Thị H, trú tại Tổ dân phố A L, phường Y, tỉnh Ninh Bình trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công may mặc (Kinh doanh) đã có hành vi mua 21 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ đi kèm của Công ty TNHH T4 là công ty không có hoạt động kinh doanh do Lê Minh C1 trú tại căn hộ A Khu R, C T, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh thành lập để bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng.

Hành vi nêu trên của Bùi Thị L (Bùi Mai L1) và Vũ Thị H đã phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang truy tố các bị cáo Bùi Thị L (Bùi Mai L1), Vũ Thị H về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, tiền tệ. Do vậy, cần xử phạt các bị

cáo hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo gây ra nhằm mục đích giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án này, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng cố ý phạm tội. Bị cáo L1 là Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D1, có trách nhiệm tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công may mặc, bị cáo L1 biết rõ bị cáo H không có tư cách pháp nhân, không có hóa đơn hợp pháp, đồng thời biết Công ty TNHH T4 không phải là đơn vị trực tiếp gia công hàng hóa cho Công ty TNHH D1. Tuy nhiên, nhằm hợp thức hóa chi phí và kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, bị cáo L1 vẫn thống nhất mua và sử dụng 21 hóa đơn giá trị gia tăng không hợp pháp của Công ty TNHH T4 thông qua bị cáo H để kê khai thuế.

Bị cáo L1 là người giữ vai trò chính, trực tiếp quyết định việc mua và sử dụng hóa đơn trái phép. Bị cáo H là người giúp sức tích cực, biết rõ việc mua bán hóa đơn là trái pháp luật nhưng vẫn liên hệ với người khác để mua hóa đơn, nhận và chuyển hóa đơn cho bị cáo L1 đồng thời nhận tiền từ bị cáo L1 để thanh toán cho người bán hóa đơn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho cả hai bị cáo.

Đối với bị cáo L1, ngoài các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, bị cáo đã tích cực, tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền thuế GTGT 26.645.413 đồng vào ngân sách nhà nước, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình công tác, bị cáo được Sư đoàn 316 Quân khu B2 - Bộ Q tặng Giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022; có bố đẻ là ông Bùi Văn B được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

Xét nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; không thu lợi bất chính; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội thấy rằng bị cáo L1 có vai trò cao hơn bị cáo H, nhưng bị cáo L1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn, do vậy cần xử hai bị cáo mức hình phạt ngang nhau là phù hợp. Xét các bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà xử các bị cáo hình phạt chính là P2 tiền như đề nghị của đại diện Viện

kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật, đồng thời vẫn đảm bảo tính nghiêm minh và có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với Lê Minh C1 là người thành lập Công ty TNHH T4 đã bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ khởi tố vụ án, bị can. Ngày 27/11/2023, C1 đã chết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người phụ nữ tên T1 nhận gia công hàng cho H và là người trực tiếp lên hệ mua 21 số hoá đơn trong vụ án: Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định, nhưng không xác định được tuổi, địa chỉ cụ thể, ngoài lời khai duy nhất của bị can H ra, không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.- Đối với việc Công ty TNHH D1 sử dụng không hợp pháp hóa đơn (21 số hóa đơn không) để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các kỳ tính thuế quý 2/2022, làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp là 26.645.413 đồng, tuy nhiên hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội Trốn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Vũ Thị P1, trú tại thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên là người được L1 nhờ làm báo cáo quyết toán cho Công ty. Tuy nhiên P1 không phải là kế toán công ty D1 và khi làm quyết toán P1 không biết 21 số hoá đơn trên do L1 mua nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị L (Bùi Mai L1), Vũ Thị H phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

1. Về hình phạt:

1.1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 203; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt: Phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Bùi Thị L (Bùi Mai L1) 80.000.000đ (*T2 mươi triệu đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

1.2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt: Phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Vũ Thị H 80.000.000đ (T2 mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ: Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo: Bùi Thị L (Bùi Mai L1) và Vũ Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2026).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Các bị cáo;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ + Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Thanh Sơn